

Bản án số: 61/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 09/9/2024

Về việc: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN**

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Thái

- Các Hội thẩm Nhân dân:

1. Ông Ngô Minh Thi

2. Ông Hồ Quốc Trung

- **Thư ký phiên tòa:** bà Hồ Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án Nhân dân quận Ô Môn.

Ngày 09 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án Nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình đã thụ lý số: 102/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 04 năm 2024 về việc: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 162/2024/QĐXXST-HN ngày 01 tháng 08 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 162/2024/QĐHPT-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Trần Văn Đ, sinh năm 1994 (có mặt)

Địa chỉ: Số 35, KV T, p. T, quận Ô Môn, Tp Cần Thơ

- Bị đơn: bà Nguyễn Thị Huỳnh D, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 35, KV T, p. T, quận Ô Môn, Tp Cần Thơ

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo Đơn khởi kiện ngày 19/02/2024 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trần Văn Đ trình bày: Giữa bà và bà Nguyễn Thị Huỳnh D tự nguyện tiến đến hôn nhân năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Thới An, quận Ô Môn, Tp Cần Thơ. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau khi sinh được 02 con chung thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả, mặc dù đã cố gắng

hàn gắn những vợ chồng vẫn không có tiếng nói chung, cự cãi ngày càng nhiều hơn. Từ năm 2023 thì vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Huỳnh D, trong thời gian chung sống vợ chồng không có nợ chung, không có tài sản chung. Về con chung thì có 02 con chung tên Trần Quốc A, sinh ngày 08/4/2015 và Trần Quốc M, sinh ngày 07/9/2016, yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh D quá trình giải quyết vụ án, Toà án tiến hành tổng đạt hợp lệ nhiều lần cho bà Nguyễn Thị Huỳnh D nhưng bà Nguyễn Thị Huỳnh D vắng mặt nên Toà án tiến hành giải quyết vắng mặt bà Nguyễn Thị Huỳnh D theo quy định.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc được ly hôn với bà Nguyễn Thị Huỳnh D, nguyên nhân mâu thuẫn là do bà D chơi cờ bạc gây nợ, gia đình đã nhiều lần trả nợ cho bà D nhưng bà D vẫn không thay đổi. Về nợ chung, tài sản chung là không có. Yêu cầu được nuôi 02 con chung là Trần Quốc A, sinh ngày 08/4/2015 và Trần Quốc M, sinh ngày 07/9/2016, yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con do 02 con chung hiện đang sinh sống cùng ông và được ông chăm sóc tốt, hiện 02 cháu đang được ông cho đi học tiểu học tại Trường Tiểu học Cao Bá Quát thuộc phường Thới An.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh D vắng mặt tại phiên tòa nên không thể hiện ý kiến đối với vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật bên tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Huỳnh D. Giữa ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị Huỳnh D chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo qui định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên xem là hôn nhân hợp pháp. Bị đơn có nơi đăng ký tạm trú tại phường Thới An, quận Ô Môn, Tp Cần Thơ nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ô Môn theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:* Quá trình giải quyết vụ án ông Đ trình bày sau khi đăng ký kết hôn, ông và bà Nguyễn Thị Huỳnh D chung sống với nhau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, chủ yếu do bà Nguyễn Thị Huỳnh D thường xuyên chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần, từ đó vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Cả vợ chồng đã không sống chung cùng nhau (ly thân) từ cuối năm 2023 đến nay và không liên lạc, hỏi thăm nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định tại Điều 17; Điều 19; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì “*Vợ, chồng bình đẳng với nhau, có quyền, nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*” nhưng theo lời trình bày của ông Đ thì nguyên nhân mâu thuẫn là do bà Nguyễn Thị Huỳnh D không lo cho cuộc sống gia đình, gây nợ nần cho thấy bà D đã có hành vi phá tán tài sản của gia đình, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng.

Hơn nữa, kể từ khi ông Đ nộp đơn ly hôn đến nay, bà Nguyễn Thị Huỳnh D mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn không đến Toà án thể hiện ý kiến, cho thấy bà không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, không thiết tha quan tâm đến cuộc hôn nhân giữa chồng. Từ đó cho thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, không thể hàn gắn.

Từ những phân tích trên cho thấy mục đích hôn nhân không đạt được, Đ sống chung không thể kéo dài, nếu tiếp tục cũng không mang lại hạnh phúc cho ông Đ và bà Nguyễn Thị Huỳnh D. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn ông Trần Văn Đ.

[2.2] *Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Quốc A, sinh ngày 08/4/2015 và Trần Quốc M, sinh ngày 07/9/2016, ông Đ yêu cầu được nuôi con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy hiện 02 con chung đang sinh sống cùng ông Đ, việc chăm sóc Đ sống hàng ngày của các con là do ông Đ phụ trách, 02 cháu hiện đang được ông Đ cho đi học nên được xem là có điều kiện phát triển về thể chất, tinh thần và học tập thuận lợi. Đồng thời, 02 con chung có nguyện vọng sống cùng ông Đ nên Hội đồng xét xử nhận thấy giao 02 con chung cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Việc ông Đ không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con, nhận thấy đây là sự tự nguyện của ông Đ và hiện tại ông đang có việc làm thu nhập mỗi tháng khoảng 9.000.000 đồng nên thu thập đảm bảo Đ sống cho các con chung nên chấp nhận.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Nguyên đơn trình bày không có nên Toà án không xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp với bà Nguyễn Thị Huỳnh D về tài sản chung, nợ chung, con chung sẽ được giải quyết thành vụ án khác.

[3] *Về án phí*: Áp dụng Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2017/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn ông Trần Văn Đ phải chịu theo quy định của pháp luật về án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 207, điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* **Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn Đ.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Trần Văn Đ được ly hôn với bà Nguyễn Thị Huỳnh D.

- *Về con chung*: Giao 02 con chung tên Trần Quốc A, sinh ngày 08/4/2015 và Trần Quốc M, sinh ngày 07/9/2016 cho ông Trần Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi, ông Đ không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị Huỳnh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Ông Trần Văn Đ cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Ông Trần Văn Đ cho rằng không có, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Trần Văn Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chuyển tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004666 ngày 24/04/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, TP. Cần Thơ thành án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định) để yêu cầu Tòa án Nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

*** Nơi nhân:**

- Các đương sự;
- VKSND TPCT;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- UBND phường Thới An;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thanh Thái